1. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG ISO 9001:2015 KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN Sinh viên : Trương Ngọc Huyền Giảng viên hướng dẫn: ThS.Nguyễn Đức Kiên HẢI PHÒNG - 2019
2. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NẶNG DOOSAN HẢI PHÒNG VIỆT NAM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN Sinh viên : Trương Ngọc Huyền Giảng viên hướng dẫn :ThS. Nguyễn Đức Kiên HẢI PHÒNG - 2019
3. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP Sinh viên: Trương Ngọc Huyền Mã SV:1512401030 Lớp: QT1902K Ngành: Kế toán – Kiểm toán Tên đề tài: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NẶNG DOOSAN HẢI PHÒNG VIỆT NAM
4. MỤC LỤC LỜI MỞ ĐẦU 1 CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 3 1.1 Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. 3 1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu 4 1.3 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu: 4 1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: 6 1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ: 6 1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 6 1.5.2 Kế toán giá vốn hàng bán 8 1.5.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 13 1.6 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính 15 1.6.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 15 1.6.2 Kế toán chi phí tài chính 17 1.7 Kế toán thu nhập chi phí hoạt động khác 20 1.7.1 Kế toán thu nhập khác 20 1.7.2 Kế toán chi phí khác 22 1.8 Tổng hợp doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp 23 1.9 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán 25 1.9.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái 27 1.9.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ 28 CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NẶNG DOOSAN VIỆT NAM 30 2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hoạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam. 30
5. 2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam. 30 2.1.2 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam 31 2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam. 31 2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 36 2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 36 2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 36 2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán 47 2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 53 2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 62 2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh 66 2.2.3.1 Kế toán xác định kết quả kinh doanh 66 CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NẶNG DOOSAN HẢI PHÒNG VIỆT NAM 77 3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam 77 3.1.1 Ưu điểm 77 3.1.2 Hạn chế 78 3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh 79 3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam 79 3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam 80 3.4.1 Kiến nghị 1: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán 80
6. 3.4.2 Kiến nghị 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh 81 3.4.3 Kiến nghị 3: Về mở sổ chi tiết bán hàng 81 3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp 84 3.5.1 Về phía nhà nước 84 3.5.2 Về phía doanh nghiệp 84 KẾT LUẬN 85
7. DANH MỤC SƠ ĐỒ Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 8 Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. 11 Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. 12 Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh 15 Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính 17 Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính 19 Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác 21 Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác 23 Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 25 Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung 26 Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - sổ cái 27 Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - sổ cái 28 Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy 29 Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 32 Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 34 Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 36
8. DANH MỤC BẢNG BIỂU Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong 2 năm gần đây 31 Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001246 38 Biểu số 2.2: Phiếu thu số 15/12 39 Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001270 41 Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001278 43 Biểu số 2.5: Giấy báo có ngân hàng 44 Biểu số 2.6: Trích trang nhật ký chung 45 Biểu số 2.7: Sổ cái TK 511 46 Biểu số 2.8: sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) 48 Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 3/12 49 Biểu số 2.10: Sổ nhật ký chung 50 Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632 52 Biểu số 2.12: Hóa đơn dịch vụ viễn thông 54 Biểu số 2.13: Phiếu chi số 17/12 55 Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT 0000125 56 Biểu số 2.15: Phiếu chi 20/12 57 Biểu số 2.16: Hóa đơn dịch vụ viễn thông 58 Biểu số 2.17: Phiếu chi số 22/12 59 Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung 60 Biểu số 2.19: Sổ cái TK 642 61 Biểu số 2.20: Giấy báo có ngân hàng Vietcombank 63 Biểu số 2.21: Sổ nhật ký chung 64 Biểu số 2.22: Sổ cái TK 515 65 Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 40 67 Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 41 68 Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 42 69 Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 43 70 Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 44 71 Biểu số 2.28: Trích trang sổ nhật ký chung 72 Biểu số 2.29: Sổ cái TK 911 73 Biểu số 2.30: Sổ cái TK 821 74 Biểu số 2.31: Sổ cái TK 421 75 Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 76 Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng 82 Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 83
9. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP LỜI MỞ ĐẦU 1. Tính cấp thiết của đề tài Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức khó khăn. Bởi thế để tồn tại và đứng vững trên thị trường, doanh nghiệp luôn cần phải nắm bắt được tình hình kinh doanh, quản lý được tình hình tài chính của mình, đồng thời nghiên cứu và tìm hiểu đối thủ cạnh tranh, để trên cơ sở đó ra quyết định chiến lược phát triển kinh doanh một cách hợp lý. Để thực hiện tốt điều này một công cụ hữu hiệu doanh nghiệp không thể không kể đến đó là công tác kế toán. Đặc biệt đối với doanh nghiệp thương mại, đó là công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ. Đây là công cụ quan trọng nhất để quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp duy trì và nâng cao hiệu quả tiêu thụ, đạt được lợi nhuận tối đa. Thật vậy, để thấy được tầm quan trọng của bộ phận kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, em quyết định chọn đề tài khóa luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam”. Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 1 Lớp QT1902K
10. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 2. Kết cấu đề tài Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương: Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 2 Lớp QT1902K
11. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1.1 Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bán hàng: là hoạt động thực hiện trao đổi sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp chuyển cho khách hàng. Sản phẩm sản xuất: là sản phẩm mà doanh nghiệp tự sản xuất ra để phục vụ cho chính doanh nghiệp hoặc để trao đổi với doanh nghiệp khác trong thương mại. Sản phẩm tiêu thụ: đây là quá trình thực hiện mục đích sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm tự nơi sản xuất đến nơi có nhu cầu tiêu thụ. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên tiêu dùng. Doanh thu: là tổng giá trị và lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các nghiệp vụ và giao dịch phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trong kỳ báo cáo làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động: - Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. - Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn với mục đích kiếm lợi nhuận. - Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp. Kết quả hoạt động kinh doanh: là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động tài chính được biểu hiện qua các chỉ tiêu lợi nhuận về hoạt động kinh doanh. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 3 Lớp QT1902K
12. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua. - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc người kiểm soát hàng hóa. - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. - Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng. - Xác định được chi phí lien quan đến giao dịch bán hầng. Khi đã đồng thời thỏa mãn cả 5 tiêu chuẩn trên thì doanh thu bán hàng được ghi nhận. Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ: - Doanh thu thu được tương đối chắc chắn. - Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó. - Doanh nghiệp xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày tiến hành lập bản cân đối kế toán. - Doanh nghiệp xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện nêu trên. Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia: - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế giao dịch đó. - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện. 1.3 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu: - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán (nếu có). - Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 4 Lớp QT1902K
13. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP thực tế của các nghiệp vụ phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. - Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT. - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. Cuối kỳ thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được trừ ra khỏi doanh thu bán hàng. - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK). - Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chi phí phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công. - Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng. - Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với từng thời điểm xác định doanh thu trong thời gian trả lãi. - Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho năm cho thuê tài sản. - Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thong báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên tài khoản 5114. Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau: Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 5 Lớp QT1902K
14. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP - Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên gia công, chế biến. - Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ). - Số tiền thu được về từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. -Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua. -Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi (chưa được xác nhận là tiêu thụ). - Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: - Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: phản ánh và ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh của các loại hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác, riêng biệt từng loại doanh thu. - Nhiệm vụ của kế toán chi phí: phản ánh và ghi chép các chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp. - Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: tổng hợp doanh thu, chi phí nhằm tính toán ra kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện đóng các khoản thuế cho Nhà nước. 1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Chứng từ sử dụng: - Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng. - Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, hàng hóa gửi đi bán đã tiêu thụ. - Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng. Tài khoản sử dụng: - Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong cùng một tập đoàn. - Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. - Tài khoản 511 bao gồm 4 tài khoản cấp 2. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 6 Lớp QT1902K
15. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP + Tài khoản 5111 - doanh thu bán hàng hóa: tài khản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực, + Tài khoản 5112 - doanh thu bán các thành phẩm: tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, + Tài khoản 5113 - doanh thu cung cấp dịch vụ: tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thong, vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán, + Tài khoản 5118 - doanh thu khác: tài khoản này dùng để phản ánh các tài khoản doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ dụng cụ và các khoản doanh thu khác. Kết cấu tài khoản 511: NỢ TK 511 CÓ \_Các khoản thuế gián thu phải \_Doanh thu bán sản phẩm, hàng nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) hóa, bất động sản đầu tư và cung \_Các khoản giảm trừ doanh thu cấp dịch vụ của doanh nghiệp \_Kết chuyển doanh thu thuần vào thực hiện trong kỳ kế toán tài khoản 911(xác định kết quả kinh doanh) TỔNG SPS NỢ TỔNG SPS CÓ TÀI KHOẢN 511 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 7 Lớp QT1902K
16. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Phương pháp hạch toán: TK 511 TK 111,112,131 TK 111, 112, 131, TK 911 Các khoản giảm trừ doanh thu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ TK 333 Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng, cung cấp dịch vụ (trường hợp chưa tách ngay các khoản thuế phải nộp tại thời điểm ghi nhận doanh thu) Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng, cung cấp dịch vụ (trường hợp tách ngay các khoản thuế phải nộp tại thời điểm ghi nhận doanh thu) Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 1.5.2 Kế toán giá vốn hàng bán Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho - Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng thời kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp. + Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ: đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính vào đơn vị bình quân. Giá thực tế tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ (của hàng I) Giá đơn vị = bình quân cả kỳ (mặ t hàng I) Số lượng tồn đầu kỳ + Số lượng hàng nhập trong kỳ (của hàng I) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 8 Lớp QT1902K
17. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP + Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập: sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau. Giá thực tế tồn kho sau lần nhập i Giá đơn vị bình quân (của hàng I) = sau m ỗi lần nhập i kỳ (m ặt hàng I) Số lượng thực tế tồn kho sau lần nhập i (của hàng I) - Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): phương pháp nhập trước xuất trước được áp dụng trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước theo giá cỉa lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của lô hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. - Phương pháp giá bán lẻ: phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. - Phương pháp thực tế đích danh: phương pháp này được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Chứng từ sử dụng : - Phiếu xuất kho - Bảng phân bổ giá vốn - Các chứng từ có liên quan Tài khoản sử dụng : - Tài khoản 632 - giá vốn hàng bán: tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây dựng) bán trong kỳ. - Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 9 Lớp QT1902K
18. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Kết cấu tài khoản: NỢ TK 632 CÓ - Trị giá vốn của thành phẩm, hàng NỢ - Kết chuyển giá vốn hàng bán của hóa đã được xác định là tiêu thụ NỢ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ. trong kỳ, chi phí kinh doanh bất - Chi phí NVL, nhân công vượt trên động sản đầu tư, khoản hoàn nhập mức bình thường và chi phí sản xuất dự phòng giảm gía hàng tồn kho. chung cố định không phân bổ được - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. giá hàng tồn kho cuối năm tài chính, - Số trích lập dự phòng giảm gía trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. hàng tồn kho. TỔNG SPS NỢ TỔNG SPS CÓ TÀI KHOẢN 632 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 10 Lớp QT1902K
19. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Phương pháp hạch toán - Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. TK 154, 155, 156, 157 TK 632 TK 911 Trị giá vốn của sản phẩm, Kết chuyển giá vốn hàng bán và hàng hóa, dịch vụ xuất bán các chi phí xác định kết quả kinh doanh TK 138, 152, 153, 155, 156, TK 155,156 Phần hao hụt, mất mát hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán Hàng bán bị trả lại nhập kho TK 217 TK 2294 TK 154 TK 217 Bán bất động Giá trị còn lại sản đầu tư Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho TK 2147 Hao mòn Trích khấu lũy kế hao bất động sản đầu tư TK 111, 112, 331, 334 Chi phí phát sinh liên quan đến BĐSĐT không được ghi tăng giá trị BĐSĐT TK 242 Nếu được phân bổ dần Trích lâp dự phòng giảm giá hàng tồn kho Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 11 Lớp QT1902K
20. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP - Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ TK 111, 112, 331 TK 611 TK 632 TK 911 Mua hàng hóa Trị giá vốn hàng hóa xuất Kết chuyển giá vốn bán trong kỳ của các đơn vị hàng bán thương thương mại mại trong kỳ TK 156 TK 155, 157 Kết chuyển giá trị Kết chuyển giá vốn gửi hàng hóa tồn kho bán chưa xác định tiêu đầu kỳ thụ trong kỳ Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ TK 155, 157 Kết chuyển thành phẩm hàng gửi đi bán đầu kỳ TK 631 TK 2294 Giá thành thực tế thành phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành của các đơn vị cung cấp dịch vụ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 12 Lớp QT1902K
21. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.5.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh Chứng từ sử dụng: - Bảng lương, bảng phân bổ lương - Phiếu xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý - Bảng phân bổ chi phí trả trước - Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ - Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ - Các chứng từ khác Tài khoản sử dụng: - Tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh: tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, internet, bảo hiểm tài sản cháy nổ, ), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng, ) - Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2: + Tài khoản 6421: chi phí bán hàng + Tài khoản 6422: chi phí quản lý doanh nghiệp Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 13 Lớp QT1902K
22. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Kết cấu tài khoản: NỢ TK 642 CÓ - Các chi phí quản lý kinh doanh - Các khoản được ghi giảm chi phí phát sinh trong kỳ quản lý kinh doanh - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó phòng phải trả (Chênh lệch giữa số đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số giữa số dự phòng phải lập kỳ này dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ dụng hết) trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" TỔNG SPS NỢ TỔNG SPS CÓ TÀI KHOẢN 642 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ Phương pháp hạch toán: Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 14 Lớp QT1902K
23. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP TK 111, 112, 152, 153, 331 TK 642 TK 111, 112 Chi phí vật liệu, công cụ Các khoản giảm chi phí quản lý kinh doanh TK 133 Thuế GTGT TK 911 (nếu có) TK 334, 338 Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp, và Kết chuyển chi phí quản lý các khoản phải trích trên lương kinh doanh TK 214 TK 2293 Hoàn nhập số chênh lệch Chi phí khấu hao TSCĐ giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm TK 242, 335 Chi phí phân bổ dần, chi phí trước chưa sử dụng hết lớn trích trước hơn số phải trích lập năm TK 352 nay TK 352 Dự phòng phải trả hợp đồng có rủi ro Hoàn nhập dự phòng phải trả lớn, dự phòng phải trả khác về chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa TK 2293 Dự phòng phải thu khó đòi TK 111, 112, Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác TK 133 Thuế GTGT (nếu có) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh 1.6 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính 1.6.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính Chứng từ sử dụng: - Phiếu thu - Giấy báo có Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 15 Lớp QT1902K
24. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP - Các chứng từ khác có liên quan Tài khoản sử dụng: - Tài khoản 515 - doanh thu hoạt động tài chính: tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Kết cấu tài khoản: NỢ TK 515 CÓ - Số thuế GTGT phải nộp tính theo - Doanh thu hoạt động tài chính phương pháp trực tiếp. phát sinh trong kỳ. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. TỔNG SPS NỢ TỔNG SPS CÓ TÀI KHOẢN 515 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 16 Lớp QT1902K
25. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Phương pháp hạch toán: TK 911 TK 515 TK 138 Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu Cổ tức lợi nhuận được chia hoạt động tài chính TK 331 Chiết khấu thanh toán mua hàng được hưởng TK 1111, 1121 TK 1112, 1122 Bán ngoại tệ Tỷ giá bán Lãi bán ngoại tệ TK 121, 228 Nhượng bán, thu hồi các khoản đầu tư tài chính Lãi bán khoản đầu tư TK 3387 Phân bổ dần lãi do bán hàng trả chậm, lãi nhận trước TK 413 Kết chuyển lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 17 Lớp QT1902K
26. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.6.2 Kế toán chi phí tài chính Chứng từ sử dụng: - Phiếu chi - Giấy báo nợ - Các chứng từ khác liên quan Tài khoản sử dụng: - Tài khoản 635 - chi phí tài chính: tài khoản này phản ánh chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái. Kết cấu tài khoản: NỢ TK 635 CÓ - Các khoản chi phí tài chính phát sinh - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng trong kỳ khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ chứng khoán kinh doanh, dự phòng hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước tổn thất đầu tư vào đơn vị (chênh lệch chưa sử dụng hết) giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước) - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh TỔNG SPS NỢ TỔNG SPS CÓ TÀI KHOẢN 635 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 18 Lớp QT1902K
27. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Phương pháp hạch toán: TK 413 TK 635 TK 2291, 2292 Xử lý lỗ tỷ giá do đánh giá lại các khoản Hoàn nhập số chênh lệch dự mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ vào chi phòng giảm giá đầu tư chứng phí tài chính khoán và tổn thất đầu tư vào TK 121, 228 đơn vị khác Lỗ về bán các khoản đầu tư TK 911 TK 111, 112 Cuối kỳ kết chuyển chi phí Tiền thu bán các Chi phí nhượng bán tài chính khoản đầu tư cac khoản đầu tư TK 2291, 2292 Lập dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác TK 111, 112, 331 Chiết khấu thanh toán cho người mua TK 111, 112, 335, 242 Lãi tiền vay phải trả, phân bổ lãi mua hàng trả chậm trả góp Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 19 Lớp QT1902K
28. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.7 Kế toán thu nhập chi phí hoạt động khác 1.7.1 Kế toán thu nhập khác Chứng từ sử dụng: - Phiếu thu, báo có - Các chứng từ khác có liên quan Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 – thu nhập khác: tài khoản này phản ánh thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi xử lý đã xóa sổ, các khoản thuế đã được nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, khoản tiền thưởng cho khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có), thu nhập từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ, năm nay mới phát hiện ra. Kết cấu tài khoản: NỢ TK 711 CÓ - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các đối với các khoản thu nhập khác ở khoản thu nhập khác phát sinh trong doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo kỳ sang tài khoản 911 “Xác địn kết phương thức trực tiếp quả kinh doanh”. - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. TỔNG SPS NỢ TỔNG SPS CÓ TÀI KHOẢN 711 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 20 Lớp QT1902K
29. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Phương pháp hạch toán: TK 911 TK 711 TK 111, 112, 138 Kết chuyển thu nhập khác Thu phạt khách hàng vi phạm hợp đồng vàoTK 911 kinh tế, tiền các tổ chức bồi thường TK 333 Các khoản thuế trừ vào thu Thu được khoản phải thu khó đòi đã được nhập khác (nếu có) xóa sổ TK 338 Tiền phạt tính trừ vào khoản nhận ký quỹ ký cược TK 152, 156, 211 Nhận tài trợ, biếu tặng vật tư hàng hóa, TSCĐ TK 331, 338 Tính vào thu nhập khác khoản nợ phải trả không xác định được chủ TK 333 Các khoản thuế XNK, TTĐB, BVMT được giảm, được hoàn Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 21 Lớp QT1902K
30. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.7.2 Kế toán chi phí khác Chứng từ ghi sổ: - Báo nợ, phiếu chi - Các chứng từ khác liên quan Tài khoản sử dụng: - Tài khoản 811 - Chi phí khác: tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có), tiền phạt do vi phậm hợp đồng kinh tế, bị phát thuế, truy thu thuế, các khoản phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót ghi sổ kế toán, các khoản phí khác. Kết cấu tài khoản: NỢ TK 811 CÓ - Các khoản chi phí khác phát sinh - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các trong kỳ khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác đinh kết quả kinh doanh”. TỔNG SPS NỢ TỔNG SPS CÓ TÀI KHOẢN 811 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 22 Lớp QT1902K
31. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Phương pháp hạch toán: TK 111, 112, 131, 141 TK 811 TK 911 Các chi phí khác phát sinh (chi hoạt động thanh lý , nhượng bán TSCĐ) TK 331, 333, 338 Kết chuyển chi phí khác để xác định kết quả kinh doanh Khi nộp phạt Khoản bị phạt do vi phạm hợp đồng, vi phạm hành chính TK 2111,2113 TK 214 Nguyên giá Giá trị Khấu hao TSCĐ TSCĐ góp hao mòn ngừng sử dụng cho SXKD vốn liên TK 228 doanh liên kết Giá trị vốn góp liên doanh liên kết Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác 1.8 Tổng hợp doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp Chứng từ sử dụng: - Phiếu kế toán - Chứng từ khác có liên quan Tài khoản sử dụng: - Tài khản 911: tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác cúa doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. - Tài khoản 421: tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2. + Tài khoản 4211 - lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của các năm trước. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 23 Lớp QT1902K
32. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của tài khoản 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ tài khoản 4212 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang tài khoản 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”. + Tài khoản 4212 - lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay. - Tài khoản 821: tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 24 Lớp QT1902K
33. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Phương pháp hạch toán: TK 632 TK 911 TK 511 Kết chuyển giá vốn hàng bán Kết chuyển doanh thu thuần hoạt động SXKD TK 642 TK 711 Kết chuyển chi phí quản lý kinh Kết chuyển doanh thu của hoạt động khác doanh TK 515 TK 635 Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính Kết chuyển chi phí tài chính TK 421 TK 811 Kết chuyển lỗ Kết chuyển chi phí hoạt động khác Kết chuyển lãi Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 1.9 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán Theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo TT 133/2016 của bộ tài chính doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau: Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 25 Lớp QT1902K
34. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.9.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung Chứng từ kế toán Sổ nhật ký đặc biệt Sổ nhật ký chung Sổ, thẻ kế toán chi tiết TK 511, 632, Sổ cái TK 511, 632, Bảng tổng hợp chi tiết TK 511, 632, Bảng cân đối tài khoản BÁO CÁO TÀI CHÍNH Ghi chú: : Ghi hàng ngày : Ghi định kỳ : Đối chiếu Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 26 Lớp QT1902K
35. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.9.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái Chứng từ kế toán Sổ quỹ Bảng tổng hợp chứng từ Sổ, thể kế toán chi tiết kế toán cùng loại TK 511, 632, NHẬT KÝ - SỔ CÁI Bảng tổng hợp chi tiết (TK 511, 632, ) TK 511,632, BÁO CÁO TÀI CHÍNH Ghi chú: : Ghi hàng ngày : Ghi định kỳ : Đối chiếu Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - sổ cái Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 27 Lớp QT1902K
36. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.9.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ Chứng từ kế toán gốc Sổ quỹ Sổ, thẻ kế toán chi tiết Bảng tổng hợp chứng từ TK 511, 632, kế toán cùng loại Sổ đăng ký chứng từ CHỨNG TỪ GHI SỔ Bảng tổng hợp chi Sổ cái TK 511, tiết TK 511, 632, 632, Bảng cân đối SPS BÁO CÁO TÀI CHÍNH Ghi chú: : Ghi hàng ngày : Ghi cuối tháng : Đối chiếu Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - sổ cái Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 28 Lớp QT1902K
37. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 1.9.4 Hình thức kế toán máy SỔ KẾ TOÁN PHẦN MỀM KẾ - Sổ tổng hợp TK CHỨNG TỪ KẾ TOÁN TOÁN 511, 632, - Sổ chi tiết TK 511, 632, BẢNG TỔNG HỢP - Báo cáo tài chính CHỨNG TỪ KẾ TOÁN CÙNG LOẠI - Báo cáo kế toán quản trị MÁY VI TÍNH Ghi chú: : Nhập số liệu hàng ngày : In sổ, báo cáo cuối năm : Đối chiếu, kiểm tra Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 29 Lớp QT1902K
38. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NẶNG DOOSAN VIỆT NAM 2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hoạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam. 2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam. Công ty DOOSAN VINA Hải Phòng được thành lập vào ngày 15 tháng 11 năm 1995 bởi công ty DOOSAN Hàn Quốc, công ty cơ khí Duyên Hải – Việt Nam và công ty Ssangyong – Hàn Quốc, chuyên sản xuất và lắp dựng các sản phẩm phi tiêu chuẩn phục vụ cho các công trình công nghiệp. \_Tên công ty: công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam \_Địa chỉ: Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng \_Mã số thuế: 0200109075 \_Điện thoại: 3712705 – 3712887 \_Vốn điều lệ: 19.000.000.000 (Mười chín tỷ đồng chẵn) \_Ngành nghề kinh doanh : đúc sắt thép \_Sản phẩm và dịch vụ: lò hơi thu hồi nhiệt, nồi hơi, bình bồn chứa, thiết bị công nghiệp. \_Tháng 10 năm 1997 bắt đầu vận hành nhà máy \_Tháng 8 năm 1998 nhận chứng chỉ ISO 9001 và chứng chỉ của Hiệp Hội Hoa Kỳ U, PP, S, A \_Tháng 12 năm 2001 nhận bằng khen từ Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp cho thành tích đạt được trong xuất khẩu \_Tháng 5 năm 2002 kỷ niệm chuyến giao hàng lớn nhất từ Việt Nam cho dự án Al-tamira ở Mehico \_Tháng 8 năm 2004 nhận chứng chỉ ISO 9001:2000 và chứng chỉ ASME (U2, U, S) \_Tháng 9 năm 2008 đổi tên công ty thành công ty TNHH Công Nghiệp Nặng và Xây Dựng Hàn - Việt \_Tháng 2 năm 2009 hoàn thành bàn giao 33 bồn chứa cho dự án lọc dầu số 1 tại Việt Nam (nhà máy Dung Quất) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 30 Lớp QT1902K
39. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP \_Tháng 7 năm 2010 đổi tên công ty thành Doosan Vina Hải Phòng với 90% vốn từ công ty Doosan DHI và 10% vốn từ GS Global (Ssang Yong) \_Tháng 12 năm 2010 nhận chứng chỉ ISO 3834-2 \_Tháng 3 năm 2013 thay đổi giấy chứng nhận đầu tư. GS Global chuyển nhượng 10% vốn điều lệ cho Doosan-DEC \_Tháng 4 năm 2013 thay đổi giấy chứng nhận đầu tư. Doosan DHI chuyển nhượng 90% vốn điều lệ cho Doosan DEC Sự phát triển của công ty thể hiện qua một số chi tiêu tài chính của 2 năm gần đây (Bảng 2.1) Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong 2 năm gần đây Đơn vị tính: đồng Chỉ tiêu Năm trước Năm nay 1. Tổng vốn kinh doanh bình quân 19.393.764.083 29.271.344.228 2. Tổng doanh thu 3.074.121.093 3.689.446.479 3. Tổng doanh thu thuần 3.074.121.093 3.689.446.479 4. Tổng giá vốn hàng bán 1.523.922.371 2.413.237.997 5. Tổng lợi nhuận gộp 1.223.198.729 1.276.208482 6. Tổng lợi nhuận trước thuế 101.480.332 76.026.350 7. Thu nhập bq/người/tháng 6.000.000 6.500.000 (Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) 2.1.2 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam Doanh thu và chi phí tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam được hạch toán riêng theo từng lĩnh vực hoạt động. Kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam được tập hợp chung cho mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam theo năm dương lịch./ 2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam. Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và hiệu quả. Công ty đã áp dụng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng (Sơ đồ 2.1) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 31 Lớp QT1902K
40. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Giám đốc Phó giám đốc P.Hành P.kinh P. Kế hoạch P. Tài chính chính nhân doanh kế toán sự Đội thi công Đội thi công Đội thi công Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Giám đốc Công ty: Chịu trách nhiệm chung điều hành Công ty theo đúng quy chế tổ chức hoạt động. Giám đốc có quyền tuyển dụng lao động, có quyền chủ động lập dự án kinh doanh, là đại diện pháp nhân của Công ty được quyền tham gia đàm phán ký kết hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Phó Giám đốc Công ty: Là người giúp việc tham mưu cho Giám đốc, được phân công phụ trách một số lĩnh vực như: Đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên, An toàn và vệ sinh lao động, và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực mình đảm nhiệm. Khi Giám đốc đi vắng, Phó Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành mọi công việc của Công ty. Phó Giám đốc là người được Giám đốc ủy quyền chỉ đạo công việc hành chính và đời sống nhân viên của Công ty như chăm sóc sức khỏe y tế, thăm quan du lịch, . Phòng tài chính kế toán: Làm công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các chế độ quản lý kinh tế, có trách nhiệm quản lý theo dõi toàn bộ nguồn vốn của Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc; Thông báo kịp thời cho Giám đốc về tình hình luân chuyển và sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cao; Báo cáo tình hình tài chính với các cơ quan chức năng của Nhà nước; Xây dựng kế hoạch Tài chính của Công ty; Quản lý toàn bộ hệ Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 32 Lớp QT1902K
41. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP thống kế toán, sổ sách hàng ngày, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh; Xác định về tình hình vốn hiện có của Công ty và sự biến động của các loại tài sản. Trong đó, Kế toán trưởng có nhiệm vụ chỉ đạo nhân viên trong phòng kế toán hạch toán theo đúng chế độ chuẩn mực Nhà nước quy định. Phòng kinh doanh:Lập các kế hoạch Kinh doanh và triển khai thực hiện Phân tích khách hàng và kênh tiêu thụ Tìm hiểu thị trường và các đơn vị cạnh tranh trong khu vực Lập kế hoạch Marketing: Kế hoạch quảng cáo, Kế hoạch tiếp thị, khuyến mại, Kế hoạch bán hàng. Phòng hành chính – nhân sự : Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động; kế hoạch tiền lương hàng năm; Quản lý cán bộ, nhân sự lao động và tiền lương theo các quy định của Nhà nƣớc và của công ty; Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị văn phòng của Công ty; Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ theo quy định. Phòng Kế hoạch: Quản lý, theo dõi việc mua bán vật tư theo đúng thời điểm, chủng loại, số lượng, giá thành hợp lý và làm thủ tục nhập, xuất kho theo đúng trình tự quy định của công ty; Có trách nhiệm phải hoàn thành kế hoạch, đơn hàng, hợp đồng sản xuất của phòng kinh doanh chuyển giao và chịu sự giám sát, kiểm tra về chất lượng sản phẩm, chủng loại, thời gian giao hàng của phòng Kinh doanh. Các đội thi công: Tùy vào đơn hàng và dự án cụ thể mà công ty bố trí nhân lực phù hợp. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 33 Lớp QT1902K
42. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam. Kế toán trưởng Phó phòng kế toán (Thủ quỹ) Kế toán ngân Kế toán Kế toán tổng hàng, kế toán TSCĐ, vật tư, hợp thanh toán thuế GTGT Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm phụ trách chung, thực hiện việc tổ chức toàn bộ công tác kế toán trong công ty theo chế độ hiện hành. Kế toán trưởng là người trực tiếp báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính kế toán của công ty lên giám đốc, chịu trách nhiệm trước công ty, cơ quan pháp luật về mọi thông tin của số liệu đã báo cáo; Tiến hành phân tích kinh tế, tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh. Phó phòng kế toán (Thủ quỹ): Có trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thu chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Kế toán tổng hợp: Tổng hợp toàn bộ các phần hành kế toán khác nhau để hoàn thiện công tác kế toán đồng thời kiểm tra việc ghi chép ban đầu, việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ, lập báo cáo tài chính, tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 34 Lớp QT1902K
43. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Kế toán TSCĐ, vật tư, thuế GTGT: Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp; thực hiện việc ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho, đồng thời theo dõi tình hình xuất dùng và phân bổ công cụ dụng cụ trong kỳ và theo dõi tình hình các khoản thuế phải nộp, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Kế toán ngân hàng,kế toán thanh toán: Thực hiện việc ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Công ty, đối chiếu các chứng từ liên quan đến việc trích TGNH thông qua việc khớp đúng giữa hoá đơn chứng từ gốc và sổ phụ của ngân hàng.Theo dõi các khoản phải thu, phải trả của khách hàng. \_ Chế độ kế toán gồm: - Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên - Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Nhập trước - Xuất trước - Phương pháp khấu hao TSCĐ: đường thẳng - Phương pháp tính thuế GTGT: khấu trừ - Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Thông tư 133/2016/TT - BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính. - Hình thức kế toán áp dụng tại công ty: Nhật ký chung Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 35 Lớp QT1902K
44. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Chứng từ kế toán Sổ nhật ký chung Sổ, thẻ kế toán chi tiết Sổ cái Bảng tổng hợp chi tiết Bảng cân đối tài khoản BÁO CÁO TÀI CHÍNH Ghi chú: : Ghi hàng ngày : Ghi định kỳ : Đối chiếu Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam 2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Chứng từ sử dụng: - Hóa đơn GTGT. - Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 36 Lớp QT1902K
45. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Tài khoản sử dụng: - Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Sổ sách kế toán: Sổ nhật ký chung Sổ cái TK511 Ví dụ 1: Ngày 18/12 xuất bán 5 ống uốn thép carbon cho công ty TNHH hệ thống điện GE Việt Nam với giá 2.400.000 đồng/ống ( chưa có thuế VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt. Định khoản: Nợ TK 111: 13.200.000 Có TK 511: 12.000.000 Có TK 3331: 1.200.000 Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0001246 (biểu 2.1), phiếu thu số 15 (biểu 2.2), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.6) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 37 Lớp QT1902K
46. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001246 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu sổ: 01GTKT3/003 (Liên 3: Nội bộ) Ký hiệu: AA/16P Ngày 18 tháng 12 năm 2017 Số: 0001246 Đơn vị bán hàng: công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Mã số thuế: 0200109075 Địa chỉ: Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng Điện thoại: Số tài khoản: Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: công ty TNHH hệ thống điện GE Việt Nam Mã số thuế: 4300789833 Địa chỉ: khu kinh tế Dung Quất - Xã Bình Thuận - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi Hình thức thanh toán: TM STT Tên hàng hóa, dịch vụ Đơn vị tính Số lượng Đơn giá Thành tiền A B C 1 2 3 = 1 x 2 1 Ống uốn thép carbon ống 5 2.400.000 12.000.000 Cộng tiền hàng: 12.000.000 Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 1.200.000 Tổng cộng tiền thanh toán: 13.200.000 Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn Người mua hàng Người bán hàng Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 38 Lớp QT1902K
47. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.2: Phiếu thu số 15/12 Công ty TNHH công nghiệp nặng Mẫu số: 01 - TT Doosan Hải Phòng Việt Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng Số: 015/12 PHIẾU THU Nợ TK 111:13.200.000 Ngày 18 tháng 12 năm 2017 Có TK 511:12.000.000 Có TK 3331:1.200.000 Họ và tên người nộp tiền: công ty TNHH hệ thống điện GE Việt Nam Địa chỉ: khu kinh tế Dung Quất - Xã Bình Thuận - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi Lý do nộp: Trả tiền hàng theo HĐ 0001246 Số tiền: 13.200.000 (Viết bằng chữ): Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn Kèm theo: HĐ0001246 Ngày 18 tháng 12 năm 2017 Giám đốc Kế toán trưởng Người nộp Người lập Thủ quỹ tiền phiếu (Ký, họ tên, đóng (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): +Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): +Số tiền quy đổi: (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 39 Lớp QT1902K
48. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Ví dụ 2: Ngày 23/12 xuất bán cho công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng 20 ống uốn thép carbon chưa thu tiền, số tiền là 52.800.000 (đã bao gồm thuế VAT 10%). Định khoản: Nợ TK 131: 52.800.000 Có TK 511: 48.000.000 Có TK 3331: 4.800.000 Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0001270 (biểu 2.3), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.6) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 40 Lớp QT1902K
49. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001270 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu sổ: 01GTKT3/003 (Liên 3: Nội bộ) Ký hiệu: AA/16P Ngày 23 tháng 12 năm 2017 Số: 0001270 Đơn vị bán hàng: công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Mã số thuế: 0200109075 Địa chỉ: Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng Điện thoại: Số tài khoản: Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng Mã số thuế: 0200493225 Địa chỉ: thôn Đoan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK STT Tên hàng hóa, dịch vụ Đơn vị tính Số lượng Đơn giá Thành tiền A B C 1 2 3 = 1 x 2 1 Ống uốn thép carbon ống 20 2.400.000 48.000.000 Cộng tiền hàng: 48.000.000 Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 4.800.000 Tổng cộng tiền thanh toán: 52.800.000 Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng chẵn Người mua hàng Người bán hàng Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 41 Lớp QT1902K
50. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Ví dụ 3: Ngày 25/12 công ty xuất bán 30 ống uốn thép carbon cho công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh theo HĐ0001278 với đơn giá là 2.400.000 đồng/ống, đã thanh toán bằng chuyễn khoản. Định khoản: Nợ TK 112: 79.200.000 Có TK 511: 72.000.000 Có TK 3331: 7.200.000 Căn cứ vào HĐ0001278 (biểu 2.4) và lệnh có (biểu 2.5), kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu 2.6) từ nhật ký chung vào sổ cái (biểu 2.7). Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 42 Lớp QT1902K
51. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001278 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu sổ: 01GTKT3/003 (Liên 3: Nội bộ) Ký hiệu: AA/16P Ngày 25 tháng 12 năm 2017 Số: 0001278 Đơn vị bán hàng: công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Mã số thuế: 0200109075 Địa chỉ: Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng Điện thoại: Số tài khoản: Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh Mã số thuế: 02806252128 Địa chỉ: tổ 22, phường Quang Trung,thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên Hình thức thanh toán: CK STT Tên hàng hóa, dịch vụ Đơn vị tính Số lượng Đơn giá Thành tiền A B C 1 2 3 = 1 x 2 1 Ống uốn thép carbon ống 30 2.400.000 72.000.000 Cộng tiền hàng: 72.000.000 Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 7.200.000 Tổng cộng tiền thanh toán: 79.200.000 Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn Người mua hàng Người bán hàng Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 43 Lớp QT1902K
52. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.5: Giấy báo có ngân hàng LỆNH THANH TOÁN LỆNH CÓ Số tham chiếu đi: 10001150 Số tham chiếu đến: 8800ILT161049108 NH gửi lệnh:79617001 - NH TNHH một thành viên HSBC NH nhận tiền: 01204001 - NHNO&PTNT Việt Nam Người phát lệnh: công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh Chứng minh thư: Mã số thuế: 02806252128 Địa chỉ: tổ 22, phường Quang Trung,thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên Số tài khoản: Người nhận lệnh: công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Chứng minh thư: Mã số thuế: 0200109075 Số tài khoản: Số tiền (Bằng số): 79.200.000 Số tiền (Bằng chữ): Bảy mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn Chương, loại, khoản, mục: Nội dung: Giao dịch viên Kiểm soát (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 44 Lớp QT1902K
53. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.6: Trích trang nhật ký chung Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Mẫu số: S03a - DNN Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Ngày 26/08/2016 của BTC) Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2017 Đơn vị tính: VNĐ CHỨNG TỪ TÀI SỐ TIỀN NTGS DIỄN GIẢI KHOẢN Số hiệu Ngày Nợ Có 18/12 HĐ0001246 18/12 Bán ống uốn thép 111 13.200.000 PT15/12 carbon cho công ty 511 TNHH hệ thống điện 12.000.000 GE Việt Nam 3331 1.200.000 23/12 HĐ0001270 23/12 công ty cổ phần nhiệt 131 52.800.000 điện Hải Phòng mua ống uốn thép carbon 511 chưa trả tiền 48.000.000 3331 4.800.000 25/12 HĐ0001278 25/12 công ty cổ phần nhiệt 112 79.200.000 điện An Khánh mua ống uốn thép carbon thanh toán bằng chuyển 511 72.000.000 khoản 3331 7.200.000 CỘNG 16.239.263.823 16.239.263.823 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 45 Lớp QT1902K
54. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Kế toán căn cứ sổ nhật ký chung (biểu 2.6) để tiến hành ghi sổ cái TK 511 (biểu 2.7) Biểu số 2.7: Sổ cái TK 511 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03b - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Nam Ngày 26/08/2016 của BTC) Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN TK 511 Doanh thu bán hàng Năm 2017 CHỨNG TỪ SỐ TIỀN Ngày DIỄN GIẢI TKĐƯ Số hiệu Nợ Có tháng Số dư đầu kỳ PT15/12 18/12 Bán ống uốn thép carbon 111 12.000.000 cho công ty TNHH hệ thống điện GE Việt Nam HĐ0001 23/12 công ty cổ phần nhiệt 131 48.000.000 270 điện Hải Phòng mua ống uốn thép carbon chưa trả tiền HĐ0001 25/12 công ty cổ phần nhiệt 112 72.000.000 278 điện An Khánh mua ống uốn thép carbon thanh toán bằng chuyển khoản . . PKT40 31/12 Kết chuyển doanh thu 911 3.689.446.479 Cộng số phát sinh 3.689.446.479 3.689.446.479 Số dư cuối kỳ Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 46 Lớp QT1902K
55. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán Đặc điểm của giá vốn hàng bán: Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước. Chứng từ sử dụng: - Phiếu xuất kho - Các chứng từ liên quan khác Tài khoản và sổ sách sử dụng: - Tài khoản 632: giá vốn hàng bán và các tài khoản có liên quan khác - Sổ nhật ký chung - Sổ cái TK 632 Ví dụ minh họa: Ngày 18/12 xuất bán 5 ống uốn thép carbon bán cho công ty TNHH hệ thống điện GE Việt Nam, theo HĐ 0001264 (biểu 2.1) Căn cứ vào số lượng bán trên hóa đơn kế toán viết phiếu xuất kho số 3/12 (biểu 2.9) kế toán định khoản giá vốn hàng bán. Căn cứ vào sổ chi tiết mở cho ống uốn thép carbon (biểu 2.8), kế toán xác định đơn giá xuất kho là 2.200.000 đồng/ống Nợ TK 632: 11.000.000 Có TK 155: 11.000.000 Từ đó ghi sổ nhật ký chung (biểu 2.10), sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ cái tài khoản 632 (biểu 2.11) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 47 Lớp QT1902K
56. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.8: sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Mẫu số: S06 - DNN Phòng Việt Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng Ngày 26/08/2016 của BTC) SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA) Tháng 12 năm 2017 Tài khoản 155 Tên quy cách: ống uốn thép carbon Chứng từ DIỄN GIẢI TKĐƯ Đơn giá NHẬP XUẤT TỒN Số NT Số Thành Số Thành tiền Số Thành tiền hiệuChứng từ DIỄN TKĐƯ Đơn giá NHẬPlượng tiền lượngXUẤT lượngTỒN ASố NTB GIẢI C D 1 Số 2Thành 3=(1x2) Số 4Thành tiền5=(1x4) Số Thành6 tiền7=(1x6) hiệu SDĐK 2.200.000lượng tiền lượng lượng 400 960.000.000 PXK3/A 18/12B XuấtC hàng theoD 632 1 2.200.0002 3=(1x2) 4 5 5=(1x4)11.000.000 6 3957=(1x6) 949.000.000 12 SDĐKHĐ0001246 2.200.000 400 960.000.000 PXK8/PX 23/1218/ XuấtXuất hàng hàng theo632 6322.200.000 2.200.000 5 2011.000.000 44.000.000 395 375949.000.000 905.000.000 12K3/ 12 HĐ0001295theo PXK9/12 25/12 HĐ0001246Xuất hàng theo 632 2.200.000 30 66.000.000 345 839.000.000 12 PX 23/ XuấtHĐ0001268 hàng 632 2.200.000 20 44.000.000 375 905.000.000 K8/ 12 theo 12 HĐ0001295Cộng SPS 150 330.000.000 PX 25/ XuấtSố hàng dư cuối kỳ632 2.200.000 30 66.000.000 345 250839.000.000 550.000.000 K9/ 12 theo Ngày tháng năm 12 Người HĐ0001268lập biểu Kế toán trưởng Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu) (Ngu. ồn s.ố liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghi ệp n ặ ng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Cộng SPS Số dư cuối kỳ Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 48 Lớp QT1902K SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA) Tháng 12 năm 2017
57. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 3/12 Công ty TNHH công nghiệp nặng Mẫu số: 02 - VT Doosan Hải Phòng Việt Nam (Ban hành theo TT Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng 133/2016/TT - BTC – Hải Phòng Ngày 26/08/2016 của BTC) PHIẾU XUẤT KHO Ngày 18 tháng 12 năm 2017 Nợ TK 632 Số: 3/12 Có TK 155 - Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Mạnh - Địa chỉ (bộ phận): công ty TNHH hệ thống điện GE Việt Nam - Lý do xuất kho: Xuất hàng bán - Xuất tại kho (ngăn lô): Tên, nhãn hiệu quy Số lượng Đơn cách, phẩm chất vật tư, Mã STT vị Đơn giá Thành tiền dụng cụ sản phẩm, hàng số Yêu tính Thực xuất hóa cầu A B C D 1 2 3 4 1 Ống uốn thép carbon ống 5 5 2.200.000 11.000.000 Cộng - Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu đồng chẵn. Ngày 18 tháng 12 năm 2017 Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 49 Lớp QT1902K
58. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.10: Sổ nhật ký chung Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03a - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt (Ban hành theo TT Nam 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2017 CHỨNG TỪ TÀI SỐ TIỀN NTGS DIỄN GIẢI Số hiệu Ngày KHOẢN Nợ Có Giá vốn ống 632 11.000.000 18/12 PXK3/12 18/12 uốn thép carbon 155 11.000.000 23/12 PXK8/12 23/12 Giá vốn ống 632 44.000.000 uốn thép carbon 155 44.000.000 25/12 PXK9/12 25/12 Giá vốn ống 632 uốn thép 66.000.000 carbon 155 66.000.000 CỘNG 16.239.263.823 16.239.263.823 Người ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 50 Lớp QT1902K
59. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 51 Lớp QT1902K
60. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03b - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng TRÍCH SỔ CÁI Loại TK: Giá vốn hàng bán Số hiệu: 632 Năm 2017 CHỨNG TỪ SỐ TIỀN Ngày DIỄN GIẢISỔ CÁI TÀI KHOTKĐƯẢN Số hiệu Nợ Có tháng Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 SDĐK Loại TK: Giá vốn hàng bán PXK3/ 18/12 Bán ống uốn thép carbonSố hiệ u: 632155 11.000.000 12 PXK8/ 23/12 Bán ống uốn thép carbon 155 44.000.000 12 PXK9/ 25/12 Bán ống uốn thép carbon 155 66.000.000 12 PKT41 31/12 Kết chuyển giá vốn hàng 911 2.413.560.929 bán Cộng số phát sinh 2.413.560.929 2.413.560.929 Số dư cuối kỳ Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 52 Lớp QT1902K
61. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh Chứng từ kế toán: - Bảng lương, bảng phân bổ lương - Bảng phân bổ chi phí trả trước - Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ - Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT - Các chứng từ khác có liên quan Tài khoản sử dụng: TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh Sổ sách kế toán: - Sổ nhật ký chung - Sổ cái TK 642 Ví dụ 4: Ngày 9/12/2017 kế toán thanh toán tiền điện thoại của văn phòng cho công ty viễn thông số HĐGTGT 1002039 (biểu 2.12). Số tiền ghi trên hóa đơn là 1.830.675 (VAT 10%) Định khoản: Nợ TK 642: 1.664.250 Nợ TK 133: 166.425 Có TK 111: 1.830.675 Căn cứ vào HĐ 1002039 (biểu 2.12) kế toán tiến hành lập phiếu chi 17/12 (biểu 2.13). Dựa vào hóa đơn và phiếu chi kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu 2.19) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 53 Lớp QT1902K
62. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.12: Hóa đơn dịch vụ viễn thông Mẫu số: HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) 01GTK0/001 Telecommunication service invoice (VAT) Ký hiệu: BB/13E Số: 1002039 Đơn vị bán hàng: Trung tâm kinh doanh VNPT - Hải Phòng - Chi nhánh tổng công ty dịch vụ viễn thông Mã số thuế: 0106867938-051 Địa chỉ: tòa nhà VNPT Hải Phòng, số 4 Lạch Tray, phường Lạch Tray Tên khách hàng: công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Địa chỉ: Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng Số thuê bao: Hình thức thanh toán: tiền mặt Mã số thuế: 0200109075 STT Dịch vụ sử dụng ĐVT Số Đơn giá Thành tiền lượng Cước dịch vụ viễn 1.664.250 thông tháng 11/2017 Cộng tiền dịch vụ: 1.664.250 Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 166.425 Tổng cộng tiền thanh toán: 1.830.657 Số tiền (bằng chữ): Một triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng Ký bởi: TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT HAI PHONG CHI NHANH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG Ký ngày: 09 tháng 12 năm 2017 (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 54 Lớp QT1902K
63. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.13: Phiếu chi số 17/12 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: 02 - TT nặng Doosan Hải Phòng Việt (Ban hành theo TT Nam 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng PHIẾU CHI Nợ TK 642: 1.664.250 Ngày 9 tháng 12 năm 2017 Nợ TK 133: 166.425 Số: 17/12 Có TK 111: 1.830.657 Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lương Địa chỉ: công ty dịch vụ viễn thông VNPT Hải Phòng Lý do chi: thanh toán tiền dịch vụ viễn thông tháng 11/2017 Số tiền: 1.830.657 (Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng Kèm theo: Chứng từ gốc Giám đốc Kế toán trưởng Người nhận tiền Người lập phiếu Thủ quỹ (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Ví dụ 5: Ngày 16/12 Công ty mua văn phòng phẩm cho bộ phận bán hàng (giấy A4, bìa 1 cúc, bìa còng 7F, bìa còng 3F, ) bằng tiền mặt theo HĐ0000125, số tiền ghi trên hóa đơn là 3.879.000 Định khoản Nợ TK 6421: 3.879.000 Có TK 111: 3.879.000 Căn cứ vào HĐ 0000125 (biểu 2.14) Công ty tiến hành lập phiếu chi 20/12 (biểu 2.15). Dựa vào hóa đơn và phiếu chi công ty tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu 2.18) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 55 Lớp QT1902K
64. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT 0000125 HÓA ĐƠN BÁN HÀNG Liên 2 Giao cho khách hàng Ngày 16 tháng 12 năm 2017 Đơn vị bán hàng: Công ty CPĐT và xây dựng TCONS Địa chỉ: số 25A, Bạch Đằng, Thủy Nguyên, Hải Phòng Điện thoại: 0988.234.121 Họ và tên người mua hàng: Trịnh Văn Đắc Tên đơn vị: Công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam Địa chỉ: Km 92, Quốc lộ 5, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: tiền mặt STT Tên hàng hóa, dịch vụ Đơn Số Đơn giá Thành tiền vị tính lượng 1 Giấy A4/70 Thùng 7 257.000 1.925.000 2 Bìa 1 cúc Cái 100 2.800 280.000 3 Bìa còng 3F Cái 15 20.000 300.000 4 Bìa còng 7F Cái 15 38.000 570.000 5 Bìa còng 9F Cái 15 40.000 600.000 6 Chân gim 23 - 10 Hộp 4 15.000 60.000 7 Bút Gel TL B-07 X. Cây 24 6.000 144.000 Light Cộng tiền bán hàng: 3.879.000 Số tiền viết bằng chữ: ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn Người mua hàng Người bán hàng (Đã ký) (Đã ký) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 56 Lớp QT1902K
65. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.15: Phiếu chi 20/12 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Mẫu số: 02 - TT Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng PHIẾU CHI Nợ TK 6421: 3.879.000 Ngày 16 tháng 12 năm 2017 Có TK 111: 3.879.000 Số: 20/12 Họ và tên người nhận tiền: Vũ Văn Minh Địa chỉ: Trung tâm thiết bị VP Phú Quý Lý do chi: thanh toán tiền văn phòng phẩm Số tiền: 3.879.000 (Viết bằng chữ): Ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng. Kèm theo: Chứng từ gốc Ngày 16 tháng 12 năm 2017 Giám đốc Kế toán trưởng Người nhận tiền Người lập phiếu Thủ quỹ (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Ví dụ 6: Ngày 19/12/2017 kế toán thanh toán tiền sửa chữa máy tính của văn phòng cho công ty cổ phần công nghệ TMT số HĐGTGT 1000339 (biểu 2.17). Số tiền ghi trên hóa đơn là 5.730.675 (VAT 10%) Định khoản: Nợ TK 642: 5.209.700 Nợ TK 133: 520.970 Có TK 111: 5.730.670 Căn cứ vào HĐ 1000339 (biểu 2.16) kế toán tiến hành lập phiếu chi 22/12 (biểu 2.17). Dựa vào hóa đơn và phiếu chi kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu 2.18) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 57 Lớp QT1902K
66. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.16: Hóa đơn dịch vụ viễn thông Mẫu số: HÓA ĐƠN SỬA CHỮA, BẢO HÀNH (GTGT) 01GTK0/001 Ký hiệu: BB/15E Số: 1000339 Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần công nghệ TMT Mã số thuế: 0313448488 Địa chỉ: 314 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng Tên khách hàng: công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Địa chỉ: Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng Số thuê bao: Hình thức thanh toán: tiền mặt Mã số thuế: 0200109075 STT Dịch vụ sử dụng ĐVT Số Đơn giá Thành tiền lượng Tiền sửa chữa máy tính 5.209.700 Cộng tiền dịch vụ: 5.209.700 Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 573.067 Tổng cộng tiền thanh toán: 5.730.670 Số tiền (bằng chữ): Năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TMT Ký ngày: 19 tháng 12 năm 2017 (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 58 Lớp QT1902K
67. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.17: Phiếu chi số 22/12 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: 02 - TT nặng Doosan Hải Phòng Việt (Ban hành theo TT Nam 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng PHIẾU CHI Nợ TK 642: 5.209.700 Ngày 19 tháng 12 năm 2017 Nợ TK 133: 520.970 Số: 22/12 Có TK 111: 5.730.670 Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Ngô Địa chỉ: công ty cổ phần thương mại TMT Lý do chi: thanh toán tiền sửa chữa máy tính Số tiền: 5.730.670 (Viết bằng chữ): Năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng Kèm theo: Chứng từ gốc Giám đốc Kế toán trưởng Người nhận tiền Người lập phiếu Thủ quỹ (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 59 Lớp QT1902K
68. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03a - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt (Ban hành theo TT Nam 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2017 CHỨNG TỪT ừ ngày 01/01/2017 đến ngàyTÀI 31/12/2017 SỐ TIỀN NTGS DIỄN GIẢI Số hiệu Ngày KHOẢN Nợ Có 642 1.664.250 Thanh toán cước 9/12 HĐ1002039 9/12 133 viễn thông 166.425 111 1.830.675 6421 3.879.000 Thanh toán văn 16/12 HĐ0000125 16/12 phòng phẩm 111 3.879.000 642 5.209.700 Thanh toán tiền 133 520.970 19/12 HĐ1000339 19/12 sửa chữa máy tính 111 5.730.670 Cộng phát sinh 16.239.263.823 16.239.263.823 (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu 2.18) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK642 (biểu 2.19) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 60 Lớp QT1902K
69. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.19: Sổ cái TK 642 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03b - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt (Ban hành theo TT Nam 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng TRÍCH SỔ CÁI TK 642 - chi phí quản lý kinh doanh Năm 2017 CHỨNG TỪ SỐ TIỀN Ngày DIỄN GIẢI TKĐƯ Số hiệu Nợ Có tháng Số dư đầu kỳ HĐ056 9/12 Thanh toán tiền cước viễn 111 1.664.250 7936 thông HĐ000 16/12 Thanh toán tiền văn phòng 111 3.879.000 0125 phẩm HĐ100 19/12 Thanh toán tiền sửa chữa 111 5.209.700 0339 máy tính PKT 41 31/12 Kết chuyển chi phí quản lý 911 1.200.322.937 kinh doanh Cộng số phát sinh 1.200.322.937 1.200.322.937 Số dư cuối kỳ Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 61 Lớp QT1902K
70. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Chứng từ sử dụng: - Phiếu thu - Giấy báo có - Các chứng từ khác có liên quan Tài khoản và sổ sách sử dụng: - Tài khoản 515 - doanh thu hoạt động tài chính: tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. - Sổ nhật ký chung - Sổ cái tài khoản 515 và các sổ sách liên quan khác Quy trình hạch toán: Căn cứ giấy báo có của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 515. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Ví dụ 7: Ngày 31/12, công ty nhận giấy báo có thông báo lãi tiền gủi ngân hàng Vietcom Bank số tiền: Định khoản: Nợ TK 112: 15.005 Có TK 515: 15.005 Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Vietcombank (biểu 2.20). Kế toán ghi nhận sổ nhật ký chung (biểu 2.21) từ nhật ký chung vào sổ cái (biểu 2.22). Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 62 Lớp QT1902K
71. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.20: Giấy báo có ngân hàng Vietcombank Mã GDV: TTT Mã KH: VC/18T Số GD: 0100112437 GIẤY BÁO CÓ Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kính gửi công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Mã số thuế: 0200109075 Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung sau: Số tài khoản ghi có: 0951004178679 Số tiền bằng số: 15.005 Số tiền bằng chữ: Mười lăm nghìn không trăm linh năm đồng Nội dung: Trả lãi tiền gửi GIAO DỊCH VIÊN KIỂM SOÁT (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 63 Lớp QT1902K
72. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.21: Sổ nhật ký chung Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03a - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng SỔ NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 CHỨNG TỪ TÀI SỐ TIỀN NTGS DIỄN GIẢI Số hiệu Ngày KHOẢN Nợ Có 642 1.664.250 Thanh toán tiền 9/12 HĐ1002039 9/12 133 166.425 cước viễn thông 111 1.830.675 GBC 112 15.005 31/12 31/12 Lãi nhập gốc 0100112437 515 15.005 CỘNG 16.239.263.823 16.239.263.823 (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu 2.21) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 515 (biểu 2.22) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 64 Lớp QT1902K
73. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.22: Sổ cái TK 515 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03b - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng SỔ CÁI TÀI KHOẢN Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính Số hiệu: 515 CHỨNG TỪ SỐ TIỀN TK Ngày DIỄN GIẢI Số hiệu ĐƯ Nợ Có tháng Số dư đầu kỳ GBC 31/12 112 15.005 01001124 Lãi nhập gốc 37 PKT 40 31/12 Kết chuyển doanh thu hoạt 911 140.805 động tài chính Cộng số phát sinh 140.805 140.805 Số dư cuối kỳ Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 65 Lớp QT1902K
74. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh 2.2.3.1 Kế toán xác định kết quả kinh doanh Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán Tài khoản sử dụng: - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành - TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 911, 821, 421 Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 40,41,42,43,44 (biểu 2.23, 2.24, 2.25, 2.26, 2.27). Từ các phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu 2.28) sau đó từ sổ nhật ký chung phản ánh sang sổ cái TK 911 (biểu 2.29), sổ cái TK 821 (biểu 2.30), sổ cái TK 421 (biểu 2.31) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 66 Lớp QT1902K
75. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 40 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Km 92, Quốc lộ 5 - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng Mã số thuế: 0200109075 PHIẾU KẾ TOÁN Số 40 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Km 92, Quốc lộ 5 - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng MãSTT số thuếDi: 0200109075ễn giải Tài khoản Thành tiền PHIẾU KẾ TOÁN Nợ Có 1 Kết chuyển doanh thu 511S ố 40 911 3.689.446.479 bán hàng Ngày 31 tháng 12 năm 2017 2 Kết chuyển doanh thu 515 911 140.805 hoạt động tài chính Cộng 3.689.587.284 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Người lập biểu Kế toán trưởng (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 67 Lớp QT1902K
76. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 41 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Km 92, Quốc lộ 5 - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng Mã số thuế: 0200109075 PHIẾU KẾ TOÁN Số 41 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Km 92, Quốc lộ 5 - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng STT Diễn giải Tài khoản Thành tiền Mã số thuế: 0200109075 PHINẾợU KẾ TOÁNCó 1 Kết chuyển giá vốn 911 632 2.413.237.997 hàng bán Số 41 2 Kết chuyển chi phíNgày 31911 tháng 12 642năm 2017 1.200.322.937 quản lý kinhh doanh Cộng 3.613.560.934 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Người lập biểu Kế toán trưởng (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 68 Lớp QT1902K
77. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 42 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Km 92, Quốc lộ 5 - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng Mã số thuế: 0200109075 PHIẾU KẾ TOÁN Số 42 Công ty TNHH công nghiNgàyệp nặ ng31 Doosantháng 12 H nămải Phòng 2017 Vi ệt Nam Km 92, Quốc lộ 5 - Qu ận Hồng Bàng - Hải Phòng STT Diễn giải Tài khoản Thành tiền Mã số thuế: 0200109075 PHIẾU KẾ TOÁN Nợ Có 1 Xác định thuế TNDN 821S ố 42 3334 15.205.270 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Cộng 15.205.270 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Người lập biểu Kế toán trưởng (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 69 Lớp QT1902K
78. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 43 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Km 92, Quốc lộ 5 - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng Mã số thuế: 0200109075 PHIẾU KẾ TOÁN Số 43 Công ty TNHH công nghiNgàyệp nặ ng31 Doosantháng 12 H nămải Phòng 2017 Vi ệt Nam Km 92, Quốc lộ 5 - Qu ận Hồng Bàng - Hải Phòng STT Diễn giải Tài khoản Thành tiền Mã số thuế: 0200109075 PHIẾU KẾ TOÁN Nợ Có 1 Kết chuyển chi phí 911S ố 43 821 15.205.270 thuế TNDN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Cộng 15.205.270 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Người lập biểu Kế toán trưởng (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 70 Lớp QT1902K
79. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 44 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam Km 92, Quốc lộ 5 - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng Mã số thuế: 0200109075 PHIẾU KẾ TOÁN Số 44 Công ty TNHH công nghiNgàyệp nặ ng31 Doosantháng 12 H nămải Phòng 2017 Vi ệt Nam Km 92, Quốc lộ 5 - Qu ận Hồng Bàng - Hải Phòng STT Diễn giải Tài khoản Thành tiền Mã số thuế: 0200109075 PHIẾU KẾ TOÁN Nợ Có 1 Kết chuyển lợi nhuận 911S ố 44 421 60.821.080 sau thuế Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Cộng 60.821.080 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Người lập biểu Kế toán trưởng (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 71 Lớp QT1902K
80. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.28: Trích trang sổ nhật ký chung Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03a - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt (Ban hành theo TT Nam 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2017 Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 CHỨNG TỪ TÀI SỐ TIỀN NTGS SDIỄNỔ NH GIẢIẬT KÝ CHUNG Số hiệu Ngày KHOẢN Nợ Có Năm 2017 31/12 PKT 42 31/12Từ ngày 01/01/2017 đến ngày821 31/12/2017 15.205.270 Xác định thuế TNDN 3334 15.205.270 31/12 PKT 43 31/12 911 Kết chuyển chi phí 15.205.270 thuế TNDN 821 15.205.270 31/12 PKT 44 31/12 911 60.821.080 Kết chuyển kết quả kinh doanh 421 60.821.080 CỘNG 16.239.263.823 16.239.263.823 (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 72 Lớp QT1902K
81. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.29: Sổ cái TK 911 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03b - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Nam Ngày 26/08/2016 của BTC) Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng SỔ CÁI TÀI KHOẢN Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 911 - Xác định kết quả kinh doanh Năm 2017 CHỨNG TỪ SỐ TIỀN Ngày DIỄN GIẢI TKĐƯ Số hiệu SỔ CÁI TÀI KHOẢN Nợ Có tháng Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Số dư đầu kỳ PKT 40 31/12 Kết chuyển911 - doanhXác đ ịthunh bánkết quả 511kinh doanh 3.689.446.479 hàng Năm 2017 PKT 40 31/12 Kết chuyển doanh thu hoạt 515 140.805 động tài chính PKT 41 31/12 Kết chuyển giá vốn hàng 632 2.413.237.997 bán PKT 41 31/12 Kết chuyển chi phí QLDN 642 1.200.322.937 PKT 43 31/12 Kết chuyển chi phí thuế 821 15.205.270 TNDN PKT 44 31/12 Kết chuyển kết quả kinh 421 60.821.080 doanh Cộng số phát sinh 3.689.587.284 3.689.587.284 Số dư cuối kỳ Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 73 Lớp QT1902K
82. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.30: Sổ cái TK 821 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03b - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng SỔ CÁI TÀI KHOẢN Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 821 - Chi phí thuế TNDN Năm 2017 CHỨNG TỪ SỐ TIỀN Ngày DIỄNS GIẢIỔ CÁI TÀI KHOTKĐƯẢN Số hiệu Nợ Có tháng Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Số dư đầu kỳ 821 - Chi phí thuế TNDN PKT 42 31/12 Xác định thuế TNDN 3334 15.205.270 PKT 43 31/12 Kết chuyển thuế TNDNNăm 2017 911 15.205.270 Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ 15.205.270 15.205.270 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 74 Lớp QT1902K
83. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.31: Sổ cái TK 421 Công ty TNHH công nghiệp Mẫu số: S03b - DNN nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng SỔ CÁI TÀI KHOẢN Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 421 - Lợi nhuận chưa phân phối Năm 2017 CHỨNG TỪ SỐ TIỀN Ngày DIỄN SGIẢIỔ CÁI TÀI KHOTKĐƯẢN Số hiệu Nợ Có tháng Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Số dư đầu kỳ 186.234.554 421 - Lợi nhuận chưa phân phối PKT 44 31/12 Kết chuyển lãiNăm 2017 911 60.821.080 Cộng số phát sinh 140.000.000 60.821.080 Số dư cuối kỳ 107.055.634 Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) ( Ký, họ tên ) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 75 Lớp QT1902K
84. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Mẫu số: B02 - DNN Nam (Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC Km92 Quốc lộ 5 – Quận Hồng Ngày 26/08/2016 của BTC) Bàng – Hải Phòng BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH Năm 2017 S Chỉ tiêu Mã Mã Số năm nay Số năm trước TT thuyết minh 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp 01 3.689.446.479 3.074.121.093 dịch vụ 2 Các khoản giảm trừ doanh thu 02 0 0 3 Doanh thu thuần về bán hàng và 10 3.689.446.479 3.074.121.093 cung cấp dịch vụ (10=01+02) 4 Giá vốn hàng bán 11 2.413.237.997 1.823.922.371 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và 20 1.276.208.482 1.223.198.729 cung cấp dịch vụ (20=10-11) 6 Doanh thu hoạt động tài chính 21 140.805 281.610 7 Chi phí tài chính 22 0 0 - Chi phí lãi vay 23 0 0 8 Chi phí quản lý kinh doanh 24 1.200.322.937 1.122.000.000 9 Lợi nhuận từ hoạt động 30 76.026.350 101.480.332 kinhdoanh (30=20+21-22-24) 10 Thu nhập khác 31 0 0 11 Chi phí khác 32 0 0 12 Lợi nhuận khác (40=31-32) 40 0 0 13 Tổng lợi nhuận kế toán trước 50 76.026.350 101.480.332 thuế (50=30+40) 14 Chi phí thuế TNDN hiện hành 51 15.205.270 11.601.975 15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập 60 60.821.080 89.878.357 doanh nghiệp (60=50-51) Lập ngày 20 tháng 3 năm 2018 Người lập Kế toán trưởng Giám đốc (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Hải Phòng Việt Nam) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 76 Lớp QT1902K
85. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NẶNG DOOSAN HẢI PHÒNG VIỆT NAM 3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam 3.1.1 Ưu điểm Công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam ngay từ ngày thành lập đã từng bước phát triển về mọi mặt. Trong lịch sử phát triển của mình, công ty đã đạt được những thành công to lớn, song cũng gặp không ít những khó khăn, nhất là nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường. Trong quá trình ấy, công ty đã chủ động đề ra những giải pháp về mặt kinh tế, kỹ thuật có hiệu quả nhằm khắc phục những khó khăn, hòa nhập vào nền kinh tế của thị trường. Nhờ vậy những năm trở lại đây, công ty đã đạt được nhiều thành công trong hoạt động kinh doanh. Về tổ chức bộ máy kế toán + Bộ máy kế toán của công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam được tổ chức theo mô hình kế toán tập chung, hình thức gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của Ban Giám Đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện một cách trình tự có tính thống nhất cao, tập hợp số liệu một cách chính xác. Từ đó Ban Giám Đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp đúng đắn trong kỳ kinh doanh tiếp theo. + Toàn bộ công việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Nhờ đó kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán. + Nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó Ban Giám Đốc cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung cấp, sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 77 Lớp QT1902K
86. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh - Về sổ sách kế toán: các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. - Về hệ thống chứng từ của công ty: chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình hạch toán khá nhanh chóng và kịp thời. - Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh. - Về công tác kế toán chi phí: chi phí là một vấn đề luôn được nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh. - Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giảm đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. - Về hệ thống tài khoản sử dụng: công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư 133/2016/TT - BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. 3.1.2 Hạn chế Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác đinh kết quả kinh doanh tại công ty còn tồn tại một số hạn chế như sau: - Về chính sách áp dụng trong bán hàng: công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. - Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh: công ty chưa tiến hành lập sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng. Làm cho công ty không Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 78 Lớp QT1902K
87. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP theo dõi được cụ thể chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng. Do đó không xác định được lãi gộp của từng loại mặt hàng. Vì vậy không có cơ sở để lựa chọn cơ cấu mặt hàng tối ưu. - Về công tác ghi chép sổ sách kế toán: hiện tại công tác kế toán tại đơn vị được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn và thiếu sót. 3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty. Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy hiệu quả. 3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam Mục đích của các doanh nghiệp là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao nên việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là một trong những nội dung cần làm để đạt được mục tiêu này của doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng. Cơ sở để hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như: + Đảm bảo tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. + Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn. Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 79 Lớp QT1902K
88. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP + Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc diểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung, 3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam 3.4.1 Kiến nghị 1: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán - Lý do kiến nghị: Hiện nay công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam đang thực hiện kế toán thủ công trên máy tính với Excel. Việc này khá vất vả và tốn nhiều thời gian, công sức của kế toán. - Mục tiêu giải pháp: áp dụng phần mềm kế toán để tăng hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán. - Cách thức tiến hành giải pháp: công ty áp dụng phần mềm kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp như MISA, FAST, Với hình thức nhật ký chung công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA. Phần mềm kế toán MISA.NET 2017 Hình 3.1 Giao diện hoạt động phần mềm kế toán MISA Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 80 Lớp QT1902K
89. TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Theo như hiện nay thì mỗi kế toán đã được trang bị một máy tính riêng việc đưa phần mềm kế toán vào ứng dụng là hợp lý và thuận lợi, trình độ của kế toán trong ứng dụng tin học cao ít gặp trở ngại khi sử dụng phần mềm. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các số, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có độ chính xác cao, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và giúp lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán bảo mật và an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng đảm bảo cho công tác hạch toán của công ty sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực đối với công ty. 3.4.2 Kiến nghị 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh - Lý do kiến nghị: Công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho mặt hàng. - Cách thức tiến hành: chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng theo tiêu thức doanh thu thuần. - Công thức: Tổng chi phí QLKD Doanh thu thuần Chi phí QLKD = x của mặt hàng i phân bổ cho mặt hàng i Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng - Hiệu quả giải pháp: Xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đã được theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn. 3.4.3 Kiến nghị 3: Về mở sổ chi tiết bán hàng - Lý do kiến nghị: kế toán tại công ty TNHH công nghiệp nặng DOOSAN Hải Phòng Việt Nam chưa mở sổ chi tiết bán hàng và chi tiết chi phí cho từng mặt hàng - Mục tiêu của giải pháp: quản lý được chi tiết, cụ thể doanh thu, từng mặt hàng cũng như chi phí sản xuất kinh doanh, từ đó có thể xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng - Cách thức tiến hành: Công ty tiến hành mở sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2) Sinh viên: Trương Ngọc Huyền 81 Lớp QT1902K